

Bài 1. Ghép từ với nghĩa đúng

Nối mỗi từ tiếng Trung ở cột trái với nghĩa tiếng Việt ở cột phải.

1. 买

2. 卖

3. 贵

4. 一共

5. 找

6. 橘子

A. quả quýt

B. mua

C. tổng cộng

D. bán

E. trả lại tiền thừa

F. đắt